

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam¹

Hoàng Thị Ngọc Minh^(*)

Tóm tắt: Trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống dân tộc, tiếp thu những tư tưởng tiến bộ về độc lập, tự do của các dân tộc trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng nên hệ thống quan điểm về độc lập, tự do của dân tộc phản ánh quy luật tất yếu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc và trong thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Bài viết phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, từ đó rút ra ý nghĩa về lý luận và thực tiễn đối với cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Độc lập dân tộc, Ý nghĩa, Cách mạng Việt Nam

Abstract: On the basis of inheriting and developing the nation's traditional values, while embracing progressive ideas on independence and freedom from peoples around the world, President Ho Chi Minh established a comprehensive system of views on national independence and freedom that reflects the inevitable laws of the Vietnamese revolution. His thought on national independence holds profound theoretical and practical significance for the Vietnamese revolution, both during the struggle for national liberation and in the current period of national construction and defense. This article analyzes the core content of Ho Chi Minh's thought on national independence, thereby drawing out its theoretical and practical implications for the Vietnamese revolution.

Keywords: Ho Chi Minh's Thought, National Independence, Significance, Vietnamese Revolution

Ngày nhận bài: 10/6/2025; Ngày duyệt đăng: 26/7/2025

1. Mở đầu

Xuất phát từ nhu cầu khách quan của dân tộc và thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành sự quan tâm đến vấn đề dân tộc

thuộc địa, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do. Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân làm nên thắng lợi lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945, tiếp đó là thắng lợi vĩ đại trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ vững

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài “Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam”, mã số 2025.TĐHHN.04.02, thực hiện năm 2025.

^(*) TS., Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Email: htnminh@hunre.edu.vn

chắc quyền độc lập, tự do của dân tộc. Trong thời kỳ mới hiện nay, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo: “Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 180).

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

Thứ nhất, độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã gửi tới Hội nghị Versailles bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Mặc dù bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận, nhưng cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là quyền bình đẳng và tự do đã hình thành.

Năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 4, 2011: 3).

Ý chí và quyết tâm đó còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Với tư tưởng “không có gì quý hơn độc lập, tự do” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định

Paris, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, rút quân về nước.

Thứ hai, độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công, nước nhà được độc lập, Người nhấn mạnh độc lập phải gắn với tự do: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 4, 2011: 64). Độc lập phải gắn với hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải “làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân có học hành” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 4, 2011: 175).

Có thể thấy, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi *độc lập* gắn liền với *tự do, hạnh phúc* cho nhân dân, như Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 4, 2011: 187).

Thứ ba, độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn, triệt để

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có quân đội riêng, không có nền tài chính riêng..., thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Trên tinh thần đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm

1945 còn gặp nhiều khó khăn, nhất là nạn thù trong giặc ngoài bao vây tứ phía, để bảo vệ nền độc lập thật sự mới giành được, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp *Hiệp định Sơ bộ* ngày 06/3/1946, theo đó: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 4, 2011: 583).

Thứ tư, độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, dân tộc Việt Nam luôn đứng trước âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù. Thực dân Pháp khi xâm lược đã chia đất nước ta ra ba kỳ, mỗi kỳ có chế độ cai trị riêng. Sau Cách mạng tháng Tám, miền Bắc nước ta bị quân Tưởng Giới Thạch chiếm đóng, miền Nam bị thực dân Pháp xâm lược, và sau khi độc chiếm hoàn toàn Việt Nam thì một lần nữa thực dân Pháp lại bày ra cái gọi là “Nam Kỳ tự trị” hòng chia cắt nước ta một lần nữa. Trong hoàn cảnh đó, trong bức *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý đó không bao giờ thay đổi” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 4, 2011: 280). Hiệp định Genève năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Tháng 02/1958, Người khẳng định: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 4, 2011: 532). Trong *Di chúc*, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà. Có thể khẳng định tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên

suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ năm, mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước nhưng Người luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc.

Khác với các con đường cứu nước của ông cha, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa phong kiến (cuối thế kỷ XIX) hoặc chủ nghĩa tư bản (đầu thế kỷ XX), con đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Năm 1920, ngay khi quyết định phương hướng giải phóng và phát triển dân tộc theo con đường của cách mạng vô sản, ở Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Năm 1960, Người nói: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 10, 2011: 128). Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột; thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới bảo đảm cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của con người.

Thứ sáu, mối quan hệ giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa dân

tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới.

Trong những tháng ngày ra đi tìm đường cứu nước và là người trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động, tích cực làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ dân tộc Việt Nam luôn mong muốn được chung sống hòa bình, quan hệ hữu nghị hợp tác với tất cả các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Là người chiến sĩ quốc tế chân chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc Việt Nam mà còn của tất cả các dân tộc bị áp bức. Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết nhưng Người không quên nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm xây đắp mối quan hệ hữu nghị hợp tác lâu dài với các nước trên thế giới để cùng phát triển hướng tới một thế giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài. Tuy nhiên, mối quan hệ đó dựa trên các nguyên tắc: Việt Nam không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, dân tộc khác. Đồng thời, kiên quyết chống những âm mưu, hành động xâm phạm đến quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam.

3. Ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc đối với cách mạng Việt Nam

3.1. Ý nghĩa lý luận

Bằng lý luận về vấn đề dân tộc thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin về vấn đề dân tộc cho phù hợp với thời đại chống đế quốc chủ nghĩa. Sinh thời, Marx-Engels không đi sâu vào vấn đề dân tộc, vì ở Tây Âu vấn đề này về cơ bản đã được giải quyết trong cách mạng tư sản. Các ông cũng chưa có điều kiện thực tế để bàn nhiều về vấn

đề dân tộc thuộc địa. Đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, xuất phát từ tình cảm cũng như sự am hiểu về thuộc địa, vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là vấn đề đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, thành lập nhà nước dân tộc độc lập. Như vậy, khái niệm “dân tộc” và nội dung vấn đề dân tộc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh mở rộng bằng cách cụ thể hóa nó cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Việt Nam và thời đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao lợi ích chân chính của dân tộc, coi “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” trong khi xuất phát từ yêu cầu và mục tiêu của cách mạng vô sản ở châu Âu, các nhà kinh điển mác xít vẫn tập trung nhiều hơn vào vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp, vẫn “đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản” (*C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập*, Tập 4, 2000: 614). Bằng quan điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc Việt Nam và bổ sung cho kho tàng lý luận chủ nghĩa Marx-Lenin nhận thức mới về vai trò to lớn của chủ nghĩa dân tộc chân chính.

Sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc còn thể hiện ở quan điểm của Người về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Marx và Engels đã gắn sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, theo các ông, chỉ có giai cấp vô sản mới thống nhất được lợi ích dân tộc - lợi ích của mình với các lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Chỉ có xóa bỏ áp bức, xóa bỏ bóc lột giai cấp thì mới xóa bỏ được áp bức dân tộc, đem lại độc lập thật sự cho dân tộc mình và cho dân tộc khác.

Xuất phát từ đặc điểm của xã hội thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt sự nghiệp

giải phóng giai cấp vào trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, nếu dân tộc chưa được giải phóng thì không chỉ quốc gia dân tộc không được độc lập mà quyền lợi của một số bộ phận giai cấp cũng không đòi lại được. Phát triển lý luận về vấn đề tự do, bình đẳng trong văn hóa nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp cận quyền dân tộc từ góc độ quyền con người và nâng quyền con người thành quyền dân tộc. Điều này hoàn toàn hợp logic, vì giữa quyền con người và quyền dân tộc có mối quan hệ không thể tách rời: Nếu từng con người có quyền tự do thì dân tộc - tập hợp của những con người ấy đương nhiên phải có quyền độc lập tự do; ngược lại, nếu cả dân tộc không có độc lập tự do thì từng con người trong dân tộc đó không thể hưởng ánh sáng của độc lập tự do. Do đó, nếu quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc và quyền bình đẳng của con người là hiển nhiên thì quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do và quyền bình đẳng của từng dân tộc cũng là hiển nhiên.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc là cơ sở lý luận để xây dựng đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã có cương lĩnh giải phóng dân tộc nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tinh thần dân tộc, không chịu ảnh hưởng của một số quan điểm “tả” của Quốc tế Cộng sản khi đó. Trong những chặng đường tiếp theo, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc vẫn là cơ sở để hình thành đường lối chiến lược, sách lược hết sức linh hoạt của Đảng, đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Khi đất nước đã thống nhất, vấn đề độc lập dân tộc lúc này là kiên quyết bảo vệ lãnh thổ, giữ vững chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, giữ vững quyền tự quyết trên mọi phương diện và ra sức giữ vững bản

sắc dân tộc trong quá trình giao lưu văn hóa thế giới. Đại hội Đảng lần thứ VI khẳng định: “Vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do kẻ thù gây ra” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1986: 38). Tổng kết 10 năm Đổi mới, bài học đầu tiên được Đại hội VIII rút ra là “giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996: 14).

Đảng ta đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập dân tộc trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991: Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân.

Đại hội XI của Đảng xác định: “việc giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời” đã trở thành nội dung mới trong công tác bảo vệ Tổ quốc (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Sau 30 năm Đổi mới, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới, tại Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh: “Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 17). Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống

nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 156). Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng, là sự vận dụng nhuần nhuyễn lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Bảo vệ phải gắn với xây dựng, xây dựng phải đi đôi với bảo vệ. Mục tiêu của bảo vệ là để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho xây dựng và phát triển đất nước; xây dựng, phát triển đất nước sẽ tác động trở lại tạo cơ sở, tiền đề bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

3.2. Ý nghĩa thực tiễn

Cuối thế kỷ XIX, đấu tranh giành độc lập dân tộc đã trở thành một vấn đề có tính chất sống còn đối với vận mệnh và phát triển đất nước. Nắm vững tư tưởng độc lập dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả dân tộc Việt Nam đã tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân ta đã đứng lên với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Người chỉ cho toàn quân, toàn dân thấy rõ những cơ sở để khẳng định sự tất yếu thắng lợi trong cuộc kháng chiến của nhân dân ta đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa, là cuộc chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Vì vậy, đồng bào ta phải đoàn kết lại, toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng quyết không làm nô lệ, chỉ có một ý quyết không chịu mất nước và một mục đích quyết kháng chiến để giành cho được độc lập và thống nhất Tổ quốc. Dưới sự tổ chức, lãnh đạo

của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã vượt qua những khó khăn, thử thách, từng bước thắng lợi. Với việc ký Hiệp định Genève về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (21/7/1954), cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta đã đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, quân và dân ta đã nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ với tinh thần “không có gì quý hơn độc lập tự do!”, thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc đi xa: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 12, 2011: 498). Người đặt niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân ta: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 12, 2011: 511). Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã vượt lên khó khăn, từng bước “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, tiến lên giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Có thể nói, những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX đã chứng minh giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc ở thuộc địa.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tư tưởng đó của Người vẫn còn nguyên giá trị. Độc lập dân tộc không đơn giản chỉ là bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia - lãnh thổ, mà còn là độc lập tự chủ trong chủ trương, đường lối phát triển đất nước. Để đảm bảo cho tính độc lập, tự

chủ trong chủ trương, đường lối phát triển đất nước, Đảng vừa phải vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để bổ sung hoàn chỉnh đường lối, hình thành lý luận mới chỉ đạo sự nghiệp đổi mới.

Trước những biến động và phát triển của thời đại, thẩm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết cần phải kiên định con đường mà Người đã lựa chọn, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, con đường thật sự đem lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực đang hết sức phức tạp, diễn biến khó lường, hòa bình và hợp tác vẫn là xu thế lớn, nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội chống lại các thế lực xâm lược, can thiệp vào nội bộ các nước vẫn đang diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau.

Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được thực hiện với nhiều nội dung, trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, đòi hỏi chúng ta phải xây dựng nhiều lực lượng phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực, trong đó có vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Một nhiệm vụ quan trọng của đồng bào miền biển là phải bảo vệ bờ biển. Đồng bào miền biển là người canh cửa cho Tổ quốc” (*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 10, 2011: 311). Khẳng định của Người đặt trách nhiệm cho các thế hệ người Việt Nam là phải biết chăm lo phát huy lợi thế và bảo vệ vững chắc vùng trời, biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Vì vậy, trong suốt tiến trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung, lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay nói riêng, Đảng

ta luôn quan tâm đến việc phát huy lợi thế của đất nước về biển, kết hợp với phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, coi đó là một trong những động lực cơ bản cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Trước sự biến đổi khôn lường của tình hình thế giới, khu vực và trên biển Đông thời gian qua, nhiệm vụ phòng thủ, bảo vệ đất nước nhất là an ninh trên biển trở nên nặng nề, đặt trước nhiều khó khăn, thách thức. Phát huy lợi thế kết hợp với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của đất nước đang trở thành nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Quan điểm, chủ trương của Đảng về phát huy lợi thế kết hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam không chỉ thể hiện sự phát triển năng lực tư duy lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, mà còn là ý chí, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam trước bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay. Bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đặt ra nhiệm vụ cấp bách không ngừng củng cố, tăng cường sức mạnh quốc gia, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển. Trong đó, xây dựng thế trận lòng dân, đảm bảo bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc là vấn đề chiến lược, mang tính cấp bách, then chốt.

Bên cạnh việc bảo vệ chủ quyền biển đảo, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, Đảng và Nhà nước cần đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, giác ngộ quần chúng nhân dân. Cần nâng cao dân trí, thực hiện dân chủ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, các vùng trọng điểm như Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc... Đẩy mạnh việc xây dựng đời sống văn hóa cho nhân dân, xóa

đói, giảm nghèo, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, bởi việc duy trì hòa bình và phát triển đất nước trước hết phụ thuộc vào sự ổn định chính trị, xã hội, tăng trưởng kinh tế, hợp tác hữu nghị với các quốc gia, dân tộc khác.

4. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc là hệ thống quan điểm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, thể hiện bản chất khoa học và cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Những quan điểm của Người là kim chỉ nam cho Đảng và nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đường lối đối ngoại qua các thời kỳ cách mạng. Bước vào thời kỳ hội nhập, Việt Nam không ngừng mở rộng giao lưu, hợp tác với các nước trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, môi trường thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có các đường lối, chính sách bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Muốn làm được điều đó, chúng ta phải vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc trong thời kỳ mới.

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển hiện nay, vấn đề bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đang có những diễn biến phức tạp, khó lường. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quy luật xây dựng đi đôi với bảo vệ Tổ quốc vào điều kiện cách mạng nước ta, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Bảo vệ vững

chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 158). Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc cho đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị cả về lý luận và thực tiễn □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 2, 4, 10, 12, 14, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
7. *C. Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000.